TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Kiền.

Bà Lê Thị Nhanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6202/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Đường M1, phường N1, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện đang cư trú: Australia.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Đường M2, phường N2, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện đang cư trú: Đường M3, Phường N3, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Lan A đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn ông và bà Lan A chung sống với nhau được một thời gian ngắn rồi ông

trở về Úc sinh sống. Vì công việc ông và bà Nguyễn Thị Lan A không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lan A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thành T vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và Lan Anh.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Lan A đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 9 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thành T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Thành T định cư ở Úc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nay cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay ông Nguyễn Thành T xác nhận không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Lan A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía bà Lan A cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Nguyễn Thành T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Lan A là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Thành T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Lan A.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành T chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0045023 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- UBND quận Tân Phú, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang